

Số: 20 /2018/QĐST- DS

Cẩm thủy, ngày 03 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 463, 466 và 468 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 09 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/2018/TLST - DS ngày 13 tháng 08 năm 2018

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H – Sinh năm 1965

Trú tại: Thôn L 1, xã Cẩm Th, huyện C, tỉnh Thanh hóa.

Bị đơn: Chị Phạm Thị V – Sinh năm 1986

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn Nh – Sinh năm 1983

Đều trú tại: Thôn Ch, xã Cẩm Th, huyện C, tỉnh Thanh hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Thị H, Chị Phạm Thị V, anh Phạm Văn Nh thỏa thuận chị V, anh Nh còn nợ bà H 1.500.000.000.đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) Bà H rút một phần yêu cầu và cho chị V 50.000.000đ, còn lại 1.450.000.000 (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng)

Các bên đương sự thông Nh việc chia kỳ trả nợ như sau: Ngày 20/10/2018 Chị V, anh Nh có nghĩa vụ trả nợ cho bà H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ngày 20/11/2018 Chị V, anh Nh trả nợ cho bà H 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 20/12/2018 Chị V, anh Nh trả nợ cho bà H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) chị V, anh Nh có nghĩa vụ trả nợ cho bà H mỗi tháng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 25 hàng tháng, từ tháng 01/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ sau khi án có hiệu lực pháp luật bà H có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án ra quyết định, chị V, anh Nh chưa thi hành số tiền phải thi hành án theo kỳ trả nợ, thì hàng tháng chị V, anh Nh còn phải chịu thêm khoản tiền lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 –BLDS năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 – BLTTDS, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 6 Điều 19 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định là 27.750.000đ, [(tức là 36.000.000đ +3% x 650.000.000đ) x 50% = 27.750.000đ]. Các bên thỏa thuận Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST là 27.750.000đ (Hai bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho Nguyên đơn, bà Lê Thị H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003735, ngày 07/08/ 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Vũ Văn Nga

